

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Nghi

2. Bà Lê Thị Xin

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1252/2016/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh H - sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M. T - sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: thị trấn X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31.10.2016, bản tự khai ngày 24.3.2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 20.4.2017, biên bản hòa giải ngày 10.5.2017, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10.5.2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Minh H trình bày:

Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08.8.2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau, vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn hay cãi nhau, cuộc sống chung cảm thấy gò bó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 5/2012 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Trần Anh K - sinh ngày 21.3.2009 và Trần N. Y – sinh ngày 05.6.2011. Ông H giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 1.500.000 đồng/tháng, hai trẻ là 3.000.000 đồng/tháng. Thi hành khi án có hiệu lực cho đến khi 02 trẻ K và Y lần lượt tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10.5.2017, biên bản hòa giải ngày 10.5.2017, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10.5.2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị M. T trình bày:

Bà và ông H tự nguyện về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh vào ngày 08.8.2008 đúng như trình bày của ông H. Trong thời gian chung ông H không có trách nhiệm với gia đình về việc chăm sóc con, mọi việc trong gia đình đều do bà tự lo. Vợ chồng ly thân từ tháng 4.2015 đến nay. Ông H có mối quan hệ với người khác bên ngoài. Tuy nhiên bà T vẫn còn thương chồng, mong muốn con có cha để cùng nhau lo cho các con.

Về con chung: Bà T và ông H 02 con chung tên Trần Anh K - sinh ngày 21.3.2009 và Trần N. Y – sinh ngày 05.6.2011. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà T đồng ý trực tiếp 02 con chung, đồng ý ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng, hai trẻ là 3.000.000 đồng/tháng. Thi hành khi án có hiệu lực cho đến khi 02 trẻ Anh K và N. Y lần lượt tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng ông H và bà T không thỏa thuận được với nhau những vấn đề cần giải quyết nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Trần Minh H, bị đơn Nguyễn Thị M. T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

- Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm

phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông H và bà T xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ vợ chồng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thể hiện trong quá trình chung sống ông H và bà T có phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau, cuộc sống gò bó, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà T cũng thừa nhận ông H không có trách nhiệm gia đình, mọi vấn đề trong gia đình, con chung đều do bà tự lo, ông H còn có mối quan hệ với người khác. Mặc dù Tòa án đã hòa giải để cả hai trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông H không đồng ý vì cho rằng hôn nhân giữa ông và bà T không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên không thể hàn gắn.

Bà T mong muốn đoàn tụ vì cho rằng còn thương chồng và các con nhưng từ lúc Tòa án thụ lý vụ án sau đó tiến hành hòa giải đến nay bị đơn chưa có biện pháp nào thể hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai hiện tại sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận sự đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Trần Anh K - sinh ngày 21.3.2009 và Trần N. Y – sinh ngày 05.6.2011. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 1.500.000 đồng/tháng, hai trẻ là 3.000.000 đồng/tháng thi hành khi án có hiệu lực cho đến khi 02 trẻ Anh K và N. Y lần lượt tròn 18 tuổi và ông H cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của bà T, ông H như đã nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Minh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị M. T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Anh K - sinh ngày 21.3.2009 và Trần N. Y – sinh ngày 05.6.2011 cho bà Nguyễn Thị M. T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.500.000 đồng/tháng, hai trẻ là 3.000.000 đồng/tháng, thi hành khi án có hiệu lực cho đến khi 02 trẻ Anh K và N. Y lần lượt tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn ông H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 200.000 (hai trăm ngàn) đồng do ông Trần Minh H chịu, được tính căn trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0029659 ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông H còn phải nộp thêm số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- TAND TP.HCM;
- UBND thị trấn X, huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Mai